

Bản án số: **124** /2024/HC-ST

Ngày: 30/5/2024

Về việc: *Khiếu kiện các Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hải Long

Bà Trần Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Tuyết Nhung.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.*

Ngày 30/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 228/2022/HCST ngày 26/12/2022 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXX-ST ngày 17/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2024/QĐST-HC ngày 10/5/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số: 05/2024/TB-TA ngày 21/5/2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Lê Ngọc D, sinh năm 1932 (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị D1, sinh năm 1927 (vắng mặt).

Cùng HKTT: Tổ B, phường T, quận L, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Công ty TNHH H4 - Đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Hoàng P** – Giám đốc (vắng mặt).

Ủy quyền cho **bà Lã Thị Trà L** và **ông Nguyễn Ngọc H** tham gia phiên tòa xét xử vụ án (có mặt).

Địa chỉ: P, tòa nhà N đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND quận L, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Mạnh H1** – Chủ tịch (vắng mặt).

Ủy quyền cho: **Ông Vũ Xuân T** – Phó chủ tịch (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A phố V, L, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch UBND phường T, quận L, Hà Nội.

2. UBND phường T, quận L, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Vũ Trọng T1** – Chủ tịch (vắng mặt).

Ủy quyền cho: **Ông Bùi Quang C** – Phó chủ tịch (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường L, T, L, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 01/08/2022, ông bà nhận được Quyết định 5072/QĐ-UBND ngày 18/07/2022 của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với khiếu nại Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường T về việc trả hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không đồng ý với Quyết định trên, ngày 15/8/2022 ông bà đã khởi kiện và Yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Hủy toàn bộ Quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của Chủ tịch UBND quận L về việc giải quyết Khiếu nại của ông Lê Ngọc D và bà Lê Thị D1 tại tổ B, phường T, quận L.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND quận L, Hà Nội trình bày như sau:

1. Vị trí, nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất, hồ sơ quản lý:

Thửa đất liên quan đến nội dung khiếu nại có vị trí tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ngách A, tổ B phường T, diện tích 204,6 m² (diện tích do ông D, bà D tự kê khai), sổ đăng ký ruộng đất năm 1993 ghi Ao Hợp tác xã (diện tích 267m²), tiếp giáp thửa đất số 102, tờ bản đồ số 2, phường T thuộc quyền sử dụng của ông D, bà D1 đã được UBND quận L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 16/5/2022 của UBND phường T và kết quả xác minh của Thanh tra quận L tại UBND phường T ngày 15/6/2022 cho thấy: Trước năm 2014 khu đất này là ao tù trũng, bỏ trống, dân đổ nhiều rác thải, phế thải; là đất công (đất chưa sử dụng) do UBND phường quản lý và chưa cho thuê thầu. Đến năm 2013, UBND phường đã đo đạc hiện trạng, thiết lập hồ sơ quản lý đất công (có sơ đồ hiện trạng ngày 10/12/2013, đo đạc thửa đất công do UBND phường quản lý), tại thời điểm đo đạc, kiểm tra hiện trạng thửa đất có diện tích 150m², diện tích 204,6m² do gia đình ông D, bà D tự kê khai khi đề nghị cấp giấy chứng nhận.

Ngày 09/01/2014, UBND phường ký Hợp đồng thuê mặt bằng số 02/HĐKT cho bà Nguyễn Thu H2, địa chỉ tại số H N, phường Đ, quận L thuê để sử dụng vào mục đích làm xưởng may phát triển kinh doanh, thời gian thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/12/2015, giá trị thuê là 10.800.000 đồng, sổ theo dõi việc của UBND

phường thu tiền thuê mặt bằng của bà Nguyễn Thu H2 thể hiện bà H2 đã nộp đủ tiền thuê theo 02 đợt nộp ngày 10/01/2014 và ngày 12/02/2015.

Ngày 16/8/2017, UBND phường T và bà Nguyễn Thu H2 đã ký biên bản thanh lý hợp đồng số 02/HĐKT nêu trên.

Tại buổi làm việc ngày 15/6/2022, bà Nguyễn Thu H2 có ý kiến: Việc bà H2 đã thuê đất công của phường là đúng. Thời điểm thuê (Hợp đồng số 02/HĐKT ngày 09/01/2014) gia đình bà chưa xây dựng, chưa làm gì trên mảnh đất cho thuê, chỉ xây móng tường bao quanh khu đất, đã tự san nền, có đèn bù tài sản trên đất cho một số hộ dân và gia đình bà chỉ trồng cây, hoa màu. Hợp đồng đã được thanh lý ngày 16/8/2017.

Ngày 04/7/2022, Chi Cục thuế huyện G có Văn bản số 7427/CCT-TTTBTK về việc cung cấp thông tin, bản sao hồ sơ kê khai thuế nhà, đất (có kèm hồ sơ) và Văn bản số 278/UBND-ĐC ngày 23/6/2022 của UBND phường T cho thấy ông D và bà D1 nộp thuế sử dụng nhà, đất hàng năm là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, phường T của gia đình ông D, bà D1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009, không phải nộp cho thửa đất số 103, tờ bản đồ số 02, phường T (liền kề) mà gia đình ông D, bà D1 đang khiếu nại.

Hiện trạng trên thửa đất có 01 lán tôn, diện tích 61,57m² do bà Nguyễn Thị H3 là con dâu của ông D, bà D1 đứng ra nhận là chủ đầu tư, dựng lên từ năm 2017, diện tích còn lại là đất trống. Gia đình bà H3 đã sử dụng công trình lán tôn nêu trên từ đó đến nay; công trình không được cấp phép xây dựng và cơ quan chức năng chưa xử lý vi phạm.

2. Việc sử dụng đất và giấy tờ sử dụng đất của các bên có liên quan:

Các loại giấy tờ do các bên liên quan cung cấp gồm:

- Bản photo copy "Giấy giao kèo" giữa bà Nguyễn Thị C1 (Cháu) và bà Lê Thị D1 ghi ngày 20/01/1984 với nội dung bà C1 (Cháu) đổi thửa đất diện tích 222m² (0 sào, 8 thước) cạnh thửa đất của bà D1 lấy 8000 viên gạch, giấy giao kèo có chữ ký của 2 bên, không có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền; không có tài liệu chứng minh thửa đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị C1 (Cháu), do vậy không có cơ sở để công nhận giao dịch quyền sử dụng đất, do thửa đất các bên giao dịch, giao kèo là đất do UBND phường T, không thuộc quyền sở hữu, định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C1 (Cháu).

- Bản photo copy "Biên bản xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất" ghi tháng 12/2019 do Viện Chính sách Pháp luật và Quản lý thực hiện với nội dung thu thập ý kiến của các ông (bà) sinh sống tại tổ B, phường T từ trước năm 1980 đến nay để xác minh làm rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của thửa đất có diện tích 211,9m² liền kề thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02 tại tổ B phường T của ông D và bà D1, có chữ ký của 08 ông (bà) ghi Hộ khẩu thường trú: tổ B, phường T, không có xác nhận của đơn vị tiến hành thu thập ý kiến và của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là không có cơ sở pháp lý để xem xét công nhận do không đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

3. Nhận xét: Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ ngách A, tổ B phường T, diện tích 204,6m², sổ đăng ký ruộng đất năm 1993 ghi Ao Hạp tác xã (diện tích 267m²) là đất chưa sử dụng do UBND phường T. UBND phường T ban hành văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 về việc trả hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất đối với ông D và bà D1 là phù hợp quy định của pháp luật tại khoản 2, 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Các tài liệu là "Giấy giao kèo" và "Biên bản xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất" các bên cung cấp không đủ cơ sở pháp lý để xem xét công nhận do không thuộc quyền sở hữu, định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C1 (Cháu), đồng thời không đúng quy định tại khoản 4 điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và điểm đ khoản 2 điều 12 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2 quy định về Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất.

Việc UBND phường T để bà Nguyễn Thị H3 là con dâu của ông D, bà D1 dựng lán tôn diện tích 61,57m² từ năm 2017 khi chưa được cấp phép, chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cho đến nay chưa xử lý hành vi vi phạm là chưa thực hiện đúng, đủ chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ công vụ được quy định tại điều 62, điều 63, điều 64 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 2, điều 208 Luật đất đai năm 2013. Khiếu nại của ông D, bà D1 là sai toàn bộ.

Chủ tịch và UBND phường T trình bày:

- Thửa đất tại địa chỉ ngách A, tổ B phường T, quận L, Hà Nội mà ông D và bà D1 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, diện tích 204,6 m² là đất công do UBND phường T.

- Ngày 17/4/2020, UBND phường T đã ban hành văn bản số 152/UBND-ĐC đề nghị UBND quận L xem xét lập hồ sơ triển khai thực hiện dự án đầu tư hạ tầng đối với thửa đất trên vào danh mục đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

- Thực hiện Kết luận số 316/KL-STNMT-TTr ngày 25/02/2019 của Sở T3; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 05/4/2019 của UBND quận L về thực hiện biện pháp khắc phục các tồn tại; xác định trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch khắc phục, xử lý vi phạm đất công năm 2019 tại phường T; Thông báo số 76/TB-UBND ngày 29/3/2019 của UBND quận L về thông báo kết luận của UBND quận tại cuộc họp nghe báo cáo kết quả xử lý các trường hợp vi phạm đất công; Thông báo số 87/TB-UBND ngày 11/4/2019 của UBND quận L về thông báo kết luận của UBND quận tại cuộc họp xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân theo Kết luận thanh tra số 316/KL-STNMT-TTr ngày 25/02/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố T3.

- Ngày 09/8/2019, UBND phường T ban hành Thông báo số 727/TB-UBND: Yêu cầu bà H2 thu dọn và bàn giao mặt bằng nhưng bà H2 chưa thực hiện.

Kết quả thu thập, xác minh hồ sơ:

- Gia đình ông D và bà D1 cung cấp Giấy giao kèo giữa bà C1 và bà D1 ngày 20/01/1984 không liên quan đến thửa đất đang khiếu nại vì thửa đất từ trước đến nay không có ai tên là C1 đang quản lý, sử dụng.

- Gia đình ông D, bà D1 cung cấp Biên lai thu thuế nhà, đất đứng tên bà Lê Thị D1 gồm: Ngày 09/5/2003; 15/6/2004; 17/12/2004; 21/5/2005; 10/6/2006; 05/7/2007; 08/5/2008; 11/5/2009; 06/8/2010 và năm 2011 số biên lai 0006540. Biên lai thu thuế nhà, đất đứng tên Lê Ngọc D2 gồm: Ngày 17/12/2004 và năm 2011 số biên lai 0006541. Là các Biên lai thu thuế nhà, đất gia đình nộp đối với thửa đất giáp ranh của gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 (không liên quan đến thửa đất đang khiếu nại).

Kết luận: Từ kết quả xác minh cho thấy nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất tại địa chỉ ngách A, tổ B phường T, quận L, thành phố Hà Nội, có diện tích 204,6 m² là đất công do UBND phường T.

Do vậy, UBND phường ban hành Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2022 trả hồ sơ không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông D và bà D1 là đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 giữ nguyên Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường T là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Hủy Quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của Chủ tịch UBND quận L.

Người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án còn bị kéo dài quá quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án theo đúng trình tự luật định. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo qui định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc D, bà Lê Thị Dư.

Về án phí: Người khởi kiện được miễn chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của Chủ tịch UBND quận L là Quyết định hành chính được ban hành trong quá trình quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1, Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/8/2022 người khởi kiện làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Quyết định trên là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện là Chủ tịch UBND quận L, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Khi xem xét Quyết định khởi kiện, Hội đồng xét xử còn phải xem xét các Quyết định liên quan khác theo khoản 1 Điều 6 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường T về việc trả hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Về thẩm quyền, trình tự, nội dung: Ông Lê Ngọc D, bà Lê Thị D1 làm đơn đề nghị UBND phường T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại địa chỉ ngách A, tổ B phường T, diện tích 204,6m². Sau khi xem xét hồ sơ có liên quan, UBND phường T xác định thửa đất tại địa chỉ ngách A, tổ B phường T, diện tích 204,6m² là đất công do UBND phường T. Văn bản này phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Các tài liệu là "Giấy giao kèo" và "Biên bản xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất" do ông D, bà D1 cung cấp không đủ cơ sở pháp lý để xem xét công nhận thửa đất thuộc quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C1 (Cháu) kê khai tại cơ quan nhân nước có thẩm quyền và chuyển nhượng hợp pháp cho bà D1.

Chi Cục thuế huyện G có Văn bản số 7427/CCT-TTBTBK về việc cung cấp thông tin, bản sao hồ sơ kê khai thuế nhà, đất (có kèm hồ sơ) và Văn bản số 278/UBND-ĐC ngày 23/6/2022 của UBND phường T cho thấy ông D và bà D1 nộp thuế sử dụng nhà, đất hàng năm là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 02, phường T của gia đình ông D, bà D1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009, không phải nộp cho thửa đất số 103, tờ bản đồ số 02, phường T (liền kề) mà gia đình ông D, bà D1 đang khiếu nại.

Hiện trạng trên thửa đất có 01 lán tôn, diện tích 61,57m² do bà Nguyễn Thị H3 là con dâu của ông D, bà D1 đứng ra nhận là chủ đầu tư. Việc UBND phường T để bà Nguyễn Thị H3 là con dâu của ông D, bà D1 dựng lán tôn trên khi chưa được cấp phép, chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cho đến nay chưa xử lý hành vi vi phạm là chưa thực hiện đúng, đủ chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ công vụ.

Do đó, việc ông D, bà D1 xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại địa chỉ ngách A, tổ B phường T, diện tích 204,6m² là không có cơ sở. UBND phường T trả hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà D1 là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Ngọc D, Lê Thị D1 (lần đầu):

Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Ngọc D và bà Lê Thị D1 đã được Chủ tịch UBND phường T giải quyết theo đúng trình tự và thẩm quyền của Luật Khiếu nại năm 2011.

Do Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường T là đúng nên Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 giữ nguyên Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường T là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét Quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 18/07/2022 của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại (lần hai):

Việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Ngọc D và bà Lê Thị D1 đã được Chủ tịch UBND quận L giải quyết theo đúng trình tự và thẩm quyền của Luật Khiếu nại năm 2011.

Do Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường T và Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 giữ nguyên Văn bản số 770/TB-UBND ngày 29/11/2021 của UBND phường T là đúng, nên Quyết định số 5072/QĐ-UBND ngày 18/07/2022 của Chủ tịch UBND quận L, thành phố Hà Nội là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 5072/QĐ-UBND của ông Lê Ngọc D và bà Lê Thị Dư .

Các trình bày và các ý kiến khác của các đương sự không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Người khởi kiện được miễn án phí hành chính sơ thẩm vì là người cao tuổi.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Luật khiếu nại năm 2011;

- Luật Đất đai 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc D và bà Lê Thị Dư .

2. Về án phí: Ông Lê Ngọc D và bà Lê Thị D1 được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS ND TP Hà Nội;
- Các bên đương sự;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Lưu: VT, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN NGỌC HÒA